

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM PHÁT GROUP VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM PHÁT GROUP VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAM PHAT GROUP VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TAM PHAT GROUP .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107925431

3. Ngày thành lập: 19/07/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 20 Ngõ 81/30/20 Đường Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
2.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
3.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
4.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
8.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết : Bán buôn quặng kim loại Bán buôn sắt, thép	4662

9.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; gạch ngói, xi măng, sắt thép các loại - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.	4663
10.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
11.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
12.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Đại lý dịch vụ viễn thông.	6190
13.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
14.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản;	6820
15.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
16.	Quảng cáo	7310
17.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
18.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp, Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng, Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính),	7730
19.	Đại lý du lịch	7911
20.	Điều hành tua du lịch	7912
21.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
22.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.	8299

23.	Đào tạo đại học và sau đại học	8542
24.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm(gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; - Dạy bay; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về kỹ năng sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
25.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn du học	8560
26.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
27.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
28.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô	5229
29.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
30.	Bán mô tô, xe máy	4541
31.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
32.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt. Bán buôn thủy sản. Bán buôn rau, quả. Bán buôn cà phê. Bán buôn chè. Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột.	4632
33.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
34.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
35.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
36.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520

37.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết : Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, kiểm định xây dựng; Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình. Thiết kế nội, ngoại thất công trình, thiết kế cảnh quan. Thiết kế kết cấu công trình. Khảo sát xây dựng công trình Thẩm định dự án đầu tư xây dựng; Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn lập dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. Tư vấn lập dự án đầu tư, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình xây dựng. Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, dự thầu các công trình xây dựng	7110
38.	Khai thác gỗ	0221
39.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
40.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
41.	Khai thác và thu gom than non	0520
42.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
43.	Khai thác quặng sắt	0710
44.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
45.	In ấn	1811
46.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
47.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
48.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
49.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
50.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
51.	Thu gom rác thải độc hại	3812
52.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
53.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
54.	Xây dựng nhà các loại	4100(Chính)
55.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
56.	Xây dựng công trình công ích	4220
57.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng khu đô thị, nhà xưởng, công trình thủy, bến cảng, công trình trên sông, cảng du lịch, cửa cống, đập bê.	4290
58.	Phá dỡ	4311
59.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

60.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
61.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
62.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
63.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: + Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Chôn chân trụ, + Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái bao phủ toà nhà, + Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng	4390
64.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
65.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. Mua bán máy móc, phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị điện, thiết bị cơ-điện lạnh, thiết bị phòng cháy chữa cháy.	4659
66.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
67.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730

68.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
69.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
70.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
71.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
72.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
73.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
74.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
75.	Giáo dục mầm non	8510
76.	Giáo dục tiểu học	8520
77.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
78.	Đào tạo cao đẳng	8541
79.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
80.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN XUÂN LỘC	Tổ 21, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	20,000	034082007808	
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	20,000		
2	NGUYỄN VĂN THẮNG	Số 20 Ngõ 81/30/20 Đường Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	30,000	001077014835	
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	30,000		

3	PHẠM VĂN HẠNH	4 Nhị Tổ 27, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	15,000	0370780000 55	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	15,000		
4	ĐOÀN TỪ TẤN	Thôn Tây Xuyên, Thị trấn Hưng Nhân, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	20,000	0340820068 14	
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	20,000		
5	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	Thôn Lương Phúc, Xã Việt Long, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	15,000	012578827	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	15,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN THẮNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 11/11/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001077014835

Ngày cấp: 14/04/2017

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 20 Ngõ 81/30/20 Đường Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 20 Ngõ 81/30/20 Đường Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội